

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ
Ngày: 28/6/2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành

Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích L Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Trường L, xã Diên L1, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Trường L, xã Diên L1, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Th, N T vào năm 2006. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 vợ do vợ chồng không hòa hợp về nhiều mặt trong cuộc sống, ông T không có trách nhiệm lo cho gia đình, mọi việc để mình bà gánh vác dẫn đến vợ chồng hay kinh cãi làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nhiều lần vì nghĩ đến con nên bà đã cho ông T cơ hội sửa đổi để hàn gắn, xây dựng gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay bà xác định không còn tình

cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng không thể nào hàn gắn được nữa vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 20/4/2006 và Nguyễn Phúc Anh Kh, sinh ngày 24/3/2019. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn T. Giao con chung Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 20/4/2006 và Nguyễn Phúc Anh Kh, sinh ngày 24/3/2019 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà L tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà L xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên không xét. Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Th, thành phố N T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 vào ngày 11/8/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L xác định trong thời gian chung sống giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được; hiện tại, bà không còn tình cảm với ông T; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa

bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 20/4/2006 và Nguyễn Phúc Anh Kh, sinh ngày 24/3/2019. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, xét thấy cần giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bích L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa có lời khai về vấn đề này nên nêu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 20/4/2006 và Nguyễn Phúc Anh Kh, sinh ngày 24/3/2019 cho bà Phạm Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Bích L tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Phạm Thị Bích L, ông Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002077 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã Vĩnh Th, N T
(nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 11/8/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa

